

Số: 435/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 20 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án tổng thể thực hiện tín dụng chính sách xã hội  
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2024 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024  
của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục  
tiêu quốc gia;

Căn cứ Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014, Kết luận số  
06-KL/TW ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp  
tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo  
của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính  
phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1630/QĐ-TTg ngày 28  
tháng 9 năm 2021 ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng  
11 năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng  
đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10 tháng 6 năm  
2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW; số 05/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01  
năm 2023 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến  
năm 2030; số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ  
về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm  
2021 đến năm 2025; số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng

*Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Kết luận số 84-KL/TU ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh và Thông báo số 683-TB/TU ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung làm việc giữa Thường trực Tỉnh ủy Bắc Kạn với đoàn công tác của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn tại Tờ trình số 20/TTr-BDD ngày 19 tháng 3 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tổng thể thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2024 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Duy Hưng**

## ĐỀ ÁN TỔNG THỂ

Thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn  
giai đoạn 2024 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030  
(Kèm theo Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 20/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### Phần I

## SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

### I. THỰC TRẠNG VỀ ĐẦU TƯ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

#### 1. Tình hình đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Bắc Kạn là tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc Bộ, có 08 đơn vị hành chính cấp huyện trong đó có 02 huyện nghèo<sup>1</sup>, dân số trên 320 nghìn người với lực lượng lao động trên 200 nghìn người<sup>2</sup>. Toàn tỉnh có 82.325 hộ dân với 18.067 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 21,95% và 7.492 hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ 9,1%<sup>3</sup>.

Bắc Kạn có 108 xã/108 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (ĐB DTTS&MN) trong đó dân số là người đồng bào dân tộc thiểu số có gần 300 nghìn người, chiếm 86,6% dân số toàn tỉnh, trong đó: Có 67 xã khu vực III, 07 xã khu vực II và 34 xã khu vực I<sup>4</sup>, có 648 thôn, bản đặc biệt khó khăn là địa bàn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS&MN giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025<sup>5</sup>.

Bên cạnh đó, toàn tỉnh có 26 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân tiêu chí cả tỉnh là 12,81 tiêu chí/xã; 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 01 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, 63 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới<sup>6</sup>. Dân số nông thôn trên 268 nghìn người chiếm tỷ lệ 77,83% dân số toàn tỉnh, dân số thành thị trên 76 nghìn người, chiếm tỷ lệ 22,17%<sup>7</sup>.

<sup>1</sup> Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025

<sup>2</sup> Báo cáo số 2899/BC-LĐTĐ ngày 30/12/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Kạn.

<sup>3</sup> Quyết định số 2508/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

<sup>4</sup> Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

<sup>5</sup> Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy Ban Dân tộc về phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

<sup>6</sup> Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 10/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội Bắc Kạn năm 2023 và số liệu cập nhật bổ sung.

<sup>7</sup> Quyết định số 2508/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023

Đến năm 2023, tổng số sản phẩm OCOP 3 sao trở lên đạt 217 sản phẩm, trong đó có: 01 sản phẩm 5 sao; 17 sản phẩm 4 sao; 199 sản phẩm 3 sao. Hoàn thiện 05 hồ sơ tham gia đánh giá phân hạng, sản phẩm OCOP cấp quốc gia, hiện nay đang được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá. Số hợp tác xã thành lập mới là 73 hợp tác xã, 09 hợp tác xã giải thể. Đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh có 396 hợp tác xã với tổng số 3.818 thành viên. Tổng số liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh đến nay là 02 liên hiệp hợp tác xã với 14 hợp tác xã thành viên, 275 lao động và 2.430 hộ dân liên kết với 22 sản phẩm OCOP<sup>8</sup>.

## **2. Thực trạng đầu tư tín dụng chính sách đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2023**

### **a) Nguồn vốn hoạt động**

Giai đoạn 2016 - 2023, cùng với nguồn vốn cân đối từ Trung ương, cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm chỉ đạo tập trung các nguồn lực tài chính cần thiết để ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách. Đến 31/12/2023, tổng nguồn vốn đạt 3.298 tỷ đồng, tăng 1.822 tỷ đồng so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng 123,4%, tỷ lệ tăng trưởng bình quân đạt 15,4%/năm. Trong đó:

- Nguồn vốn cân đối từ Trung ương 2.927 tỷ đồng, tăng 1.509 tỷ đồng so với năm 2015, chiếm tỷ trọng 88,75% tổng nguồn vốn.

- Nguồn vốn huy động tại địa phương 309,6 tỷ đồng, tăng 255,6 tỷ đồng so với năm 2015, chiếm tỷ trọng 9,39% tổng nguồn vốn.

- Nguồn vốn ủy thác đầu tư địa phương đến ngày 31/12/2023 là 61,4 tỷ đồng, tăng 57,8 tỷ đồng so với năm 2015, chiếm tỷ trọng 1,86% tổng nguồn vốn. Trong đó: Ngân sách tỉnh đạt 34,5 tỷ đồng, ngân sách huyện đạt 26,9 tỷ đồng.

Đến 31/01/2024, Tổng nguồn vốn: 3.317 tỷ đồng, tăng 19 tỷ đồng so với 31/12/2023. Trong đó, nguồn vốn ủy thác đầu tư địa phương là 72 tỷ đồng, tăng 10,67 tỷ đồng so với 31/12/2023, chiếm tỷ trọng 2,17% tổng nguồn vốn. Trong đó: Ngân sách tỉnh đạt 39,5 tỷ đồng, ngân sách huyện đạt 32,5 tỷ đồng.

---

<sup>8</sup> Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 10/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn năm 2023 và số liệu cập nhật bổ sung.

## b) Kết quả thực hiện các chương trình tín dụng

Sau hơn 21 năm hoạt động, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bắc Kạn đã có các giải pháp huy động nguồn lực, phối hợp với các ngành, các tổ chức đoàn thể, các huyện, thành phố củng cố các tổ tiết kiệm vay vốn, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về chính sách vốn vay ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được tiếp cận nguồn vốn.

Chi nhánh NHCSXH tỉnh đang quản lý và thực hiện 23 chương trình tín dụng ưu đãi. Doanh số cho vay giai đoạn 2016 - 2023 đạt 6.155 tỷ đồng; doanh số thu nợ đạt 4.332 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2023, tổng dư nợ đạt 3.292 tỷ đồng với hơn 45 nghìn khách hàng còn dư nợ, tăng 1.819 tỷ đồng so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng 123,5%, tỷ lệ tăng trưởng bình quân đạt 15,4%/năm. Tập trung theo các nhóm đối tượng phục vụ trọng tâm như sau:

- Nhóm chương trình phục vụ giảm nghèo gồm cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo: Doanh số cho vay giai đoạn 2016 - 2023 là 2.711 tỷ đồng với gần 57 nghìn khách hàng được vay vốn; doanh số thu nợ là 1.986 tỷ đồng; dư nợ đến 31/12/2023 đạt 1.415 tỷ đồng/gần 22 ngàn khách hàng còn dư nợ, chiếm tỷ trọng 42,98%/tổng dư nợ, tăng so với năm 2015 là 772 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng 120,1%.

- Nhóm chương trình phục vụ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn gồm: Cho vay hộ dân tộc thiểu số (DTTS) đặc biệt khó khăn, cho vay hộ đồng bào DTTS nghèo, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg, cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP, cho vay hộ DTTS theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg, cho vay vùng DTTS và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn: Trong giai đoạn 2016 - 2023, có 35.186 khách hàng đã được vay vốn với số tiền là 1.575 tỷ đồng; doanh số thu nợ là 1.367 tỷ đồng; dư nợ đến 31/12/2023 đạt 660 tỷ đồng/13.605 khách hàng còn dư nợ, chiếm tỷ trọng 20,05%/tổng dư nợ, tăng so với năm 2015 là 175 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng 36,1%.

- Nhóm chương trình phục vụ hỗ trợ việc làm trong và ngoài nước, gồm: Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, cho vay xuất khẩu lao động: Trong giai đoạn 2016 - 2023 có 18.593 khách hàng vay vốn với số tiền 1.183 tỷ đồng; doanh số thu nợ là 452 tỷ đồng; dư nợ đến 31/12/2023 đạt 796 tỷ đồng/11.348 khách hàng còn dư nợ, chiếm tỷ trọng 35,9%/tổng dư nợ, tăng so với năm 2015 là 711 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng 836,5%.

- Nhóm chương trình phục vụ giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu trong đời sống gồm cho vay hộ nghèo làm nhà ở, cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, cho vay học sinh sinh viên trang trải chi phí học tập theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, cho vay học sinh sinh viên mua máy tính, thiết bị học tập trực tuyến, cho vay nhà ở xã hội: Lũy kế doanh số cho vay trong giai đoạn là 653 tỷ đồng với hơn 30 nghìn khách hàng được vay vốn; doanh số thu nợ là 467 tỷ đồng; dư nợ đến 31/12/2023 đạt 419 tỷ đồng/gần 15 nghìn khách hàng còn dư nợ, chiếm tỷ trọng 12,7%/tổng dư nợ, tăng so với năm 2015 là 210 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng 100,1%.

### c) Chất lượng tín dụng

Trong giai đoạn 2016 - 2023, cùng với tăng trưởng quy mô tín dụng, chất lượng tín dụng là vấn đề được Chi nhánh NHCSXH tỉnh thường xuyên quan tâm. Chất lượng tín dụng không ngừng được nâng cao hằng năm, đa số khách hàng chấp hành trả nợ và lãi đúng hạn, tỷ lệ thu lãi, tỷ lệ thu hồi nợ gốc đến hạn luôn đạt trên 99%; nợ quá hạn và nợ khoanh tại thời điểm 31/12/2023 là 5.136 triệu đồng, giảm 1.283 triệu đồng so với năm 2015 (tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh giảm từ 0,44% năm 2015 xuống còn 0,16% năm 2023). Trong đó, nợ quá hạn là 3.473 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,11% tổng dư nợ, giảm 247 triệu đồng, tỷ lệ giảm 6,6% so với cuối năm 2015; nợ khoanh 1662 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,05% tổng dư nợ.

d) Hiệu quả đầu tư từ các chương trình tín dụng chính sách góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh

Tín dụng chính sách đã góp phần giúp giải quyết các vấn đề căn bản, thiết yếu trong cuộc sống của người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ tại vùng nghèo, vùng ĐB DTTS&MN, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS&MN của tỉnh.

Giai đoạn 2016 - 2023, tín dụng chính sách đã cho vay hơn 142 nghìn lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách đầu tư sản xuất, cải thiện đời sống. Trong đó, thu hút, tạo việc làm ổn định cho gần 19 nghìn lao động trong và ngoài nước; gần 31 nghìn hộ gia đình kinh doanh tại vùng khó khăn có vốn đầu tư sản xuất kinh doanh; gần 1.000 hộ nghèo được vay vốn để xây dựng nhà ở kiên cố, xóa bỏ tình trạng nhà tạm bợ, dột nát; 431 khách hàng là đối tượng chính sách có thu nhập thấp được tiếp cận nguồn vốn để xây mới, cải tạo, sửa chữa nhà để ở ổn định cuộc sống...

Với kết quả đó, tín dụng chính sách đã góp phần quan trọng thực hiện các mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) vùng ĐB DTTS&MN.

## - Về công tác giảm nghèo

Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2023, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bắc Kạn đã cho vay đối với hộ nghèo để đầu tư sản xuất, kinh doanh đạt 1.654 tỷ đồng cho gần 39 nghìn lượt hộ. Đồng thời triển khai cho vay các chương trình cho vay phát triển sản xuất đối với nhóm hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo góp phần hỗ trợ, thúc đẩy nhóm đối tượng này phát triển kinh tế, giảm thiểu tái nghèo với 1.056 tỷ đồng cho hơn 18 nghìn hộ.

Có thể nói, đối với công tác giảm nghèo, tín dụng chính sách đầu tư khá toàn diện và đồng bộ, trở thành một công cụ quan trọng để thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo bền vững của địa phương. Kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo, giai đoạn 2016 - 2021: Theo kết quả tổng điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020, đầu năm 2016, toàn tỉnh có tổng số hộ nghèo 22.706 hộ chiếm tỷ lệ 29,40%; tổng số hộ cận nghèo là 9.269 hộ, chiếm tỷ lệ 12,00%. Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh còn 13.867 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 17,02% (giảm 12,38% so với năm 2016); còn 8.239 hộ cận nghèo, chiếm 10,11% (giảm 1,89% so với năm 2016). Giai đoạn 2022 - 2025: Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025, đầu năm 2022, toàn tỉnh có tổng số hộ nghèo 22.308 hộ chiếm tỷ lệ 27,37%; tổng số hộ cận nghèo là 7.765 hộ, chiếm tỷ lệ 9,53%. Đến cuối năm 2023, toàn tỉnh còn 18.067 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 21,95% (giảm 5,42% so với đầu năm 2022); còn 7.492 hộ cận nghèo, chiếm 9,1% (giảm 0,43% so với đầu năm 2022).

## - Về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Sau khi Chính phủ cho phép triển khai các chương trình tín dụng đặc thù dành riêng cho vùng nghèo và vùng đồng bào DTTS lần đầu tiên từ năm 2007, tín dụng chính sách xã hội đã có những đóng góp to lớn hơn để cải thiện đời sống của đồng bào DTTS. Góp phần quan trọng và trực tiếp làm chuyển biến nhận thức, thay đổi từ nếp nghĩ đến cách làm trong sản xuất và kể cả trong sinh hoạt của đồng bào, đặc biệt là hình thành thói quen tiết kiệm, từng bước làm quen với cơ chế thị trường.

Giai đoạn 2016 - 2023, Chi nhánh NHCSXH đã tập trung tranh thủ nguồn vốn Trung ương, tham mưu tăng cường sự hỗ trợ của địa phương để ưu tiên nguồn vốn cho các huyện nghèo, vùng ĐB DTTS&MN. Doanh số cho vay các chương trình tín dụng chính sách riêng, đặc thù phục vụ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong giai đoạn đạt 151 tỷ đồng, với gần 05 ngàn khách hàng được vay vốn.

Có thể nói, tín dụng chính sách xã hội đã có sự tác động toàn diện đến đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội tại các vùng nghèo, vùng DTTS, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đảm bảo an ninh trật tự và ổn định chính trị.

#### - Về xây dựng nông thôn mới

Vốn tín dụng được đầu tư cho 108 xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh, trong đó chi nhánh đã bám sát mục tiêu xây dựng nông thôn mới của các địa phương để đầu tư trọng điểm một số chương trình, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu như cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn để người dân xây dựng các công trình nước sạch, công trình vệ sinh đạt tiêu chuẩn, cho vay sản xuất để hỗ trợ giảm nghèo, việc làm, giáo dục đào tạo... Trong đó, chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn có vai trò quan trọng giúp địa phương hoàn thành một số tiêu chí liên quan, đặc biệt là góp phần nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch và công trình vệ sinh đạt tiêu chuẩn. Giai đoạn 2016 - 2023, nguồn vốn tín dụng chính sách đã đáp ứng kịp thời nhu cầu nguồn vốn các chương trình tín dụng tại 96 xã xây dựng nông thôn mới với doanh số cho vay 5.460 tỷ đồng, chiếm hơn 88% tổng doanh số cho vay, với hơn 126 nghìn khách hàng vay vốn; trong đó, có hơn 27 nghìn hộ gia đình vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường để xây dựng trên 27 nghìn công trình nước sạch và gần 26 nghìn công trình vệ sinh đạt tiêu chuẩn, nâng cao điều kiện sống và cải thiện môi trường tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới.

#### - Về công tác giải quyết việc làm

Trong giai đoạn 2016 - 2023, tín dụng chính sách xã hội đã giải quyết việc làm cho 15.798 lao động, với số tiền hơn 991 tỷ đồng; đưa được 2.979 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, với số tiền hơn 201 tỷ đồng. Trong đó: Giai đoạn 2016 - 2021, đã giải quyết việc làm cho 6.682 lao động, với số tiền hơn 300 tỷ đồng; đưa được 1.516 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, với số tiền hơn 87 tỷ đồng; giai đoạn 2022 - 2023, đã giải quyết việc làm cho 9.116 lao động, với số tiền hơn 691 tỷ đồng; đưa được 1.463 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, với số tiền hơn 114 tỷ đồng.

#### đ) Khó khăn, hạn chế

Thứ nhất, mặc dù nguồn vốn thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn khá lớn nhưng chưa thể đáp ứng được nhu cầu thực tế của người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt đối với chương trình cho vay tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm hiện nay mới đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu (giai đoạn 2016 - 2023 chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm mới đáp ứng được 991 tỷ đồng/3.360 tỷ đồng - đạt tỷ lệ 29,49%).



Thứ hai, nguồn vốn ngân sách địa phương có sự tăng trưởng đều hằng năm nhưng số dư tăng trưởng tuyệt đối và tỷ trọng trong tổng nguồn vốn vẫn còn khiêm tốn. Hiện nay nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH mới chỉ đạt 61,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,86%/tổng nguồn vốn, thấp hơn nhiều so với bình quân chung toàn quốc (số dư bình quân toàn quốc 621,8 tỷ đồng/tỉnh, tỷ trọng 11,3%), xếp thứ 63/63 tỉnh thành trong cả nước.

Thứ ba, một bộ phận người nghèo và các đối tượng chính sách khác mặc dù đã thoát nghèo nhưng chưa phát huy hết hiệu quả từ nguồn vốn vay chính sách tín dụng, thu nhập chưa ổn định... dẫn đến thoát nghèo không bền vững, nguy cơ tái nghèo cao.

Thứ tư, nhiều hợp tác xã còn thiếu vốn hoạt động để mở rộng sản xuất kinh doanh<sup>9</sup>; chưa đáp ứng được các điều kiện theo quy định để tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội.

Thứ năm, dư nợ cho vay và số khách hàng vay vốn phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn còn khiêm tốn và chiếm tỷ trọng thấp (dư nợ 2,6 tỷ đồng/3.292,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,07%; số khách hàng đang dư nợ 35 khách hàng/236 khách hàng có hoạt động liên quan đến du lịch); dư nợ cho vay các hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất các sản phẩm OCOP chưa có phát sinh.

#### e) Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

Thứ nhất, Bắc Kạn là một tỉnh nghèo, 100% dân số sinh sống ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó: Dân số là người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 86,6% dân số toàn tỉnh; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao, do đó các đối tượng thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi trên địa bàn còn nhiều. Mặc dù hiện nay, tổng nguồn vốn tín dụng chính sách được Trung ương và địa phương bố trí khá lớn nhưng chưa thể đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các đối tượng chính sách.

Thứ hai, điều kiện kinh tế của tỉnh còn rất khó khăn, nguồn thu ngân sách nhà nước thấp, phụ thuộc phần lớn vào hỗ trợ của ngân sách Trung ương nên việc cân đối nguồn ngân sách địa phương để ủy thác cho vay qua NHCSXH còn rất hạn chế, chiếm tỷ trọng thấp so với yêu cầu và mặt bằng chung của toàn quốc.

---

<sup>9</sup> Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 10/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội Bắc Kạn năm 2023

Thứ ba, Bắc Kạn là tỉnh miền núi, đối tượng vay vốn ưu đãi chủ yếu phục vụ cho hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, tuy nhiên do địa hình vùng núi, hằng năm chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai, dịch bệnh nên chưa thực sự phát huy được hiệu quả của nguồn vốn vay ưu đãi. Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người nghèo và các đối tượng chính sách. Ngoài ra, việc phối hợp, lồng ghép giữa hoạt động tín dụng chính sách với các hoạt động khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao công nghệ... của các tổ chức, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội tại một số nơi chưa đồng bộ dẫn đến chưa phát huy được tối đa hiệu quả sử dụng vốn của người vay.

Thứ tư, theo quy định của NHCSXH, các hợp tác xã có nhu cầu vay vốn từ 100 triệu đồng trở lên phải có tài sản đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, mà các hợp tác xã có nhu cầu vay vốn không có đủ tài sản đảm bảo theo quy định. Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa có cơ chế sử dụng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương để hỗ trợ cho vay.

Thứ năm, nguồn ngân sách địa phương để ủy thác cho vay qua NHCSXH còn rất hạn chế, không đủ đáp ứng nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm của người lao động nên không có nguồn vốn để cho vay đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở kinh doanh, khách hàng hoạt động trong lĩnh vực phát triển du lịch và sản xuất các sản phẩm OCOP.

## **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.
- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.
- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội; Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ.
- Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.
- Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.
- Nghị quyết số 111/2024/QH15 thông qua ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW.

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030.

- Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/2/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Nghị quyết số 16-NQ/ĐH ngày 28/10/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025).

- Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 27/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch số 49-KH/TU ngày 12/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 16/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Kết luận số 84-KL/TU ngày 18/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Thông báo số 683-TB/TU ngày 14/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung làm việc giữa Thường trực Tỉnh ủy Bắc Kạn với đoàn công tác của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ ba (khóa XII) về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, giai đoạn 2021 - 2025.

- Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ Ba (khóa XII) về phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 12/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ tư (khóa XII) về phát triển du lịch tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 05 năm giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030.

### III. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

Kết quả đạt được trong thời gian qua khẳng định tín dụng chính sách xã hội đã có được những thành tựu nổi bật, tập trung huy động được các nguồn lực tài chính để tạo lập nguồn vốn và tổ chức thực hiện cho vay hiệu quả đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, được xem là điểm sáng và là một trong những trụ cột trong hệ thống các chính sách giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đặt ra mục tiêu có ít nhất 56 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 174 thôn đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt trên 13 tiêu chí; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm từ 02% - 2,5%, huyện nghèo giảm từ 3,5% - 04% trở lên; giải quyết việc làm cho 6.400 lao động/năm; đến năm 2025 có từ 200 sản phẩm OCOP trở lên đạt 3 - 4 sao, trong đó có từ 02 sản phẩm trở lên đạt 5 sao<sup>10</sup>. Trong giai đoạn 2021 - 2030, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đặt ra toàn tỉnh có ít nhất 70 xã và 03 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ giảm nghèo bình quân 02%/năm, đến năm 2030 cơ bản không còn huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn; tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 03%; tổng lượng khách du lịch đạt khoảng 03 triệu lượt người<sup>11</sup>. Đồng thời, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh và Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Kạn của Thủ tướng Chính phủ đã đặt ra giải pháp trọng tâm là thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo, gắn phát triển kinh tế với giảm nghèo bền vững.

Bên cạnh đó, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế những năm vừa qua ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động, sản xuất kinh doanh, việc làm của người dân. Điều này đặt ra những thách thức trong chỉ đạo, thực hiện công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS&MN. Mặt khác, với xu thế đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, đầu tư sản phẩm OCOP, trồng và sản xuất dược liệu, phát triển du lịch, phát huy thế mạnh vùng miền đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn. Do đó, cần tăng cường nguồn vốn, tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn ưu đãi để người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nguồn vốn duy trì, mở rộng sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững, góp phần nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

---

<sup>10</sup>Nghị quyết số 16-NQ/ĐH ngày 28/10/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025

<sup>11</sup>Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Cùng với đó Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030 đã đặt ra vấn đề cấp bách về việc thực hiện nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH, cụ thể: “Hàng năm, ngân sách địa phương ủy thác nguồn vốn để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác chiếm khoảng 15 - 20% tăng trưởng dư nợ tín dụng chung của NHCSXH” và “đến năm 2030, nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương chiếm 15% tổng nguồn vốn”. Căn cứ điều kiện tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030, trong đó đề ra mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2030, tổng dư nợ tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đạt trên 4.500 tỷ đồng. Như vậy, đến năm 2030 nguồn vốn ủy thác địa phương cần đạt 675 tỷ đồng (tương ứng 15% tổng nguồn vốn), bình quân từ năm 2024 đến năm 2030, mỗi năm tăng trưởng khoảng 88 tỷ đồng. Điều này là vô cùng khó khăn bởi hiện nay nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH mới chỉ chiếm tỷ trọng 1,86%/tổng nguồn vốn, tương ứng 61,4 tỷ đồng (đến 31/01/2024, nguồn vốn ủy thác đầu tư địa phương là 72 tỷ đồng).

Chính vì vậy, việc ban hành Đề án tổng thể thực hiện tín dụng chính sách xã hội giai đoạn 2024 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết nhằm tăng cường nguồn vốn cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác để góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu quốc gia và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020 - 2025 và thời kỳ 2021 - 2030 theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh, Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Kạn của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện tốt nhiệm vụ chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030 theo Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

## **Phần II**

### **MỤC TIÊU, NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

- Đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác; góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2020 - 2025, Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030 của Thủ tướng Chính phủ và các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS&MN.

- Từng bước thực hiện hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương theo Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

Theo Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh “Đến năm 2030, tổng dư nợ tín dụng chính sách xã hội đạt trên 4.500 tỷ đồng, trong đó: Dư nợ nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương chiếm từ 06% đến 08%/tổng nguồn vốn (tương ứng từ 270 đến 360 tỷ đồng)”.

Cụ thể: Dư nợ nguồn vốn từ Trung ương 4.140 tỷ đồng đến 4.230 tỷ đồng, dư nợ nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương từ 270 tỷ đồng đến 360 tỷ đồng (ngân sách tỉnh từ 190 tỷ đồng đến 280 tỷ đồng, ngân sách huyện 80 tỷ đồng). Đảm bảo đáp ứng cơ bản nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu, đủ điều kiện trong giai đoạn 2024 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 đều được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội.

- Nhận ủy thác từ ngân sách địa phương giai đoạn 2024 - 2025 tăng trưởng từ 45 tỷ đồng đến 60 tỷ đồng, chiếm từ 13% đến 17,34% tổng tăng trưởng dư nợ tín dụng chính sách. Đến năm 2025, tổng nguồn vốn chiếm tỷ trọng từ 2,91% đến 3,33% tổng nguồn vốn.

- Nhận ủy thác từ ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 tăng trưởng từ 165 tỷ đồng đến 240 tỷ đồng, chiếm từ 19,1% đến 27,74% tổng tăng trưởng dư nợ tín dụng chính sách. Đến năm 2030, tổng nguồn vốn chiếm tỷ trọng từ 6% đến 8% tổng nguồn vốn.

## **II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN**

### **1. Nguồn vốn thực hiện Đề án**

Tổng nguồn vốn được NHCSXH Việt Nam và nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cấp 1.211 tỷ đồng, tương ứng với tốc độ tăng trưởng bình quân 7,68%/năm. Trong đó:

\* Nguồn vốn từ NHCSXH Việt Nam cấp từ 911 tỷ đồng đến 1.001 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng từ 75,22% đến 82,66% tổng nguồn vốn được cấp. Trong đó: Giai đoạn 2024 - 2025 NHCSXH Việt Nam cấp từ 286 tỷ đồng đến 301 tỷ đồng, tương ứng từ 143 tỷ đồng đến 150,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2026 - 2030 NHCSXH Việt Nam cấp từ 625 tỷ đồng đến 700 tỷ đồng, tương ứng từ 125 tỷ đồng đến 140 tỷ đồng/năm.

\* Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH cấp từ 210 tỷ đồng đến 300 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng từ 17,34% đến 24,78% tổng nguồn vốn được cấp, cụ thể:

- Giai đoạn 2024 - 2025, tổng nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp ủy thác từ 45 tỷ đồng đến 60 tỷ đồng. Trong đó: Năm 2024, ngân sách địa phương ủy thác 39 tỷ đồng (trong đó: Ngân sách tỉnh ủy thác 33,4 tỷ đồng, ngân sách huyện ủy thác 5,6 tỷ đồng); năm 2025, ngân sách địa phương ủy thác từ 06 tỷ đồng đến 21 tỷ đồng (trong đó: ngân sách tỉnh ủy thác từ 1 tỷ đồng đến 15 tỷ đồng, ngân sách huyện ủy thác 6 tỷ đồng).

- Giai đoạn 2026 - 2030, tổng nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp ủy thác từ 165 tỷ đồng đến 240 tỷ đồng. Trong đó: Ngân sách tỉnh ủy thác từ 125 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, tương ứng từ 25 tỷ đồng đến 40 tỷ đồng/năm; ngân sách huyện ủy thác 40 tỷ đồng, tương ứng 08 tỷ đồng/năm.

## **2. Kế hoạch thực hiện cho vay**

a) Phạm vi thực hiện: Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh Bắc Kạn.

b) Đối tượng thụ hưởng: Người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Trong đó tập trung ưu tiên cho vay đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh và các đối tượng khác vay vốn để đầu tư phát triển du lịch, sản xuất các sản phẩm OCOP, trồng và sản xuất các sản phẩm từ cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.

c) Mục đích sử dụng vốn, mức cho vay, thời hạn cho vay, quy trình, thủ tục cho vay và xử lý nợ bị rủi ro

- Đối với khoản vay từ nguồn vốn Trung ương: Thực hiện theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của NHCSXH.

- Đối với khoản vay từ nguồn nhận ủy thác địa phương: Thực hiện theo quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh (trường hợp Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó). Trong đó tập trung ưu tiên cho vay đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh và các đối tượng khác vay vốn để đầu tư phát triển du lịch, sản xuất các sản phẩm OCOP, trồng và sản xuất các sản phẩm từ cây dược liệu trên địa bàn tỉnh với mức cho vay đến 300 triệu đồng không phải thế chấp tài sản.



### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp đối với tín dụng chính sách xã hội**

Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 1630/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030.

Tập trung triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 16/10/2017 và Kết luận số 84-KL/TU ngày 18/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt để thực hiện tốt mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, thực hiện an sinh xã hội, phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi và xây dựng nông thôn mới; tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; hỗ trợ, tạo điều kiện về cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác cho NHCSXH hoạt động thuận lợi, triển khai thực hiện tốt tín dụng chính sách.

Chủ động xây dựng chương trình, dự án, gắn kết giữa đầu tư các mô hình kinh tế với nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội; đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm để nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội; thường xuyên điều tra, rà soát, thống kê xác nhận hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác để tạo điều kiện cho các đối tượng được vay vốn kịp thời.

Rà soát, nghiên cứu sửa đổi bổ sung các chính sách do địa phương ban hành gắn với nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn ủy thác cho vay.

#### **2. Tập trung huy động, đa dạng hóa nguồn vốn**

Tiếp tục xác định nguồn vốn cân đối từ NHCSXH Việt Nam là chủ yếu, giữ vai trò chủ đạo, chi phối nguồn lực cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Chi nhánh NHCSXH tỉnh chủ động báo cáo, tham mưu trình NHCSXH Việt Nam cân đối cấp nguồn vốn đảm bảo đáp ứng cơ bản nhu cầu vốn trên địa bàn.

Tập trung cải thiện cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng các loại nguồn vốn huy động tại địa phương, cụ thể: Tăng cường nguồn vốn từ ngân sách địa phương; tập trung các nguồn vốn tín dụng chính sách có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn có tính chất từ thiện và các nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung vào nguồn vốn NHCSXH; tổ chức các cuộc vận động vì người nghèo đến các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và các cá nhân để huy động bổ sung nguồn vốn, khuyến khích các tổ chức tài chính, các tập đoàn kinh tế... đóng góp vào nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội để cho vay các đối tượng chính sách trên địa bàn.

### **3. Triển khai thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách xã hội**

Chi nhánh NHCSXH phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác thực hiện hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát bổ sung đối tượng thụ hưởng các chương trình tín dụng chính sách đảm bảo nguồn vốn tín dụng chính sách đến với người vay kịp thời, hiệu quả.

Các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương triển khai việc tổ chức bình xét cho vay đảm bảo đúng đối tượng, dân chủ, công khai, minh bạch và phối hợp với NHCSXH để hoàn thiện hồ sơ, giải ngân kịp thời, đúng quy định.

Tăng cường công tác tập huấn, chuyển giao công nghệ, khoa học kỹ thuật, lồng ghép việc sử dụng vốn tín dụng chính sách với các mô hình sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả...

Thực hiện nghiêm túc quy trình bình xét cho vay, đảm bảo đúng đối tượng; đồng thời có sự phối hợp giữa NHCSXH với các cơ quan chức năng về việc hướng dẫn cách thức làm ăn, chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác, giúp người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả.

Kiểm soát tốt chất lượng cho vay, nâng cao tỷ lệ thu nợ gốc đến hạn để tận dụng tối đa nguồn vốn cho vay quay vòng, đáp ứng một phần nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn.

Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, giám sát, kiểm tra sử dụng vốn vay trên tất cả các kênh: Kiểm tra, giám sát của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, kiểm tra nội bộ của NHCSXH; đồng thời tham mưu cho các cơ quan Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn vay trên địa bàn.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp, phát huy vai trò của kiểm tra kiểm soát nội bộ đối với hoạt động của NHCSXH; đổi mới phương pháp và kỹ năng kiểm tra, kiểm soát phù hợp với hoạt động tín dụng chính sách, gắn hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát với việc nâng cao khả năng cảnh báo sớm đối với những rủi ro tiềm ẩn trong thực hiện tín dụng chính sách trên địa bàn.

Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện tín dụng chính sách; vai trò chủ thể của người dân trong giám sát cộng đồng; các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức hội, đoàn thể cấp dưới; nâng cao chất lượng kiểm tra việc sử dụng vốn vay và giám sát hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn.

#### **4. Thực hiện công tác truyền thông và tổ chức sơ kết, tổng kết**

##### **a) Đẩy mạnh công tác truyền thông**

Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội phải thường xuyên thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho người dân về hoạt động tín dụng chính sách. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về chính sách tín dụng ưu đãi cũng như hiệu quả từ nguồn vốn của các chương trình tín dụng chính sách, các mô hình làm ăn điển hình, phổ biến sâu rộng đến các tầng lớp Nhân dân. Động viên, khích lệ phát huy tinh thần chủ động, trách nhiệm, tạo tâm lý tự tin, ý chí thoát nghèo để người nghèo, các đối tượng chính sách khác mạnh dạn tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, nâng cao ý thức trách nhiệm trong sử dụng vốn, hoàn trả vốn vay.

##### **b) Tổ chức sơ kết, tổng kết**

Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện trên địa bàn để phát huy kết quả đạt được, các nhân tố tích cực và hạn chế tồn tại, khắc phục khó khăn, vướng mắc, gắn với công tác thi đua khen thưởng nhằm động viên, khuyến khích các tổ chức, cá nhân làm tốt trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

### **Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

1. Hằng năm, tổ chức sơ kết thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.
2. Cuối năm 2030 tổ chức thực hiện tổng kết Đề án.

## **II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM**

### **1. Sở Tài chính**

- Hằng năm căn cứ vào khả năng ngân sách của tỉnh, chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên cân đối, bố trí nguồn ngân sách địa phương (kinh phí thường xuyên) trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc bố trí vốn ngân sách địa phương, ủy thác cho NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác đảm bảo mục tiêu Đề án.

- Phối hợp cùng Chi nhánh NHCSXH tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định về mục đích sử dụng vốn vay, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay (nếu có) đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh và các đối tượng khác vay vốn để đầu tư phát triển du lịch và sản xuất các sản phẩm OCOP, trồng và sản xuất các sản phẩm từ cây dược liệu trên địa bàn tỉnh với mức cho vay đến 300 triệu đồng không phải thế chấp tài sản.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn tại NHCSXH theo quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030, ủy thác cho NHCSXH để thực hiện Đề án.

- Hằng năm, căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026 - 2030 và nhu cầu của địa phương, chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư công và các nguồn vốn đầu tư phát triển khác hằng năm trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, ủy thác cho NHCSXH để thực hiện Đề án.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn tại NHCSXH theo quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương.

### **3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Tham mưu chỉ đạo công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; phối hợp với NHCSXH trong việc xác định đối tượng, nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm hằng năm.

#### **4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Phối hợp lồng ghép có hiệu quả hoạt động khuyến nông, khuyến lâm; phổ biến, nâng cao kiến thức về sản xuất nông nghiệp; khuyến khích người vay tham gia các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ các mô hình, chương trình, dự án về phát triển nông nghiệp nông thôn, dự án phát triển cây dược liệu, chương trình mỗi xã một sản phẩm... với hoạt động cho vay vốn của NHCSXH nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư tín dụng chính sách xã hội.

- Hằng năm, tổng hợp danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh có nhu cầu vay vốn để đầu tư phát triển du lịch, sản xuất các sản phẩm OCOP, trồng và sản xuất các sản phẩm từ cây dược liệu trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để làm cơ sở NHCSXH giải ngân cho vay.

- Tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các dự án do tỉnh quản lý để làm cơ sở NHCSXH giải ngân cho vay.

#### **5. Ban Dân tộc tỉnh**

Phối hợp với NHCSXH và các đơn vị liên quan xác định đối tượng, địa bàn thụ hưởng các chương trình tín dụng chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS&MN.

#### **6. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bắc Kạn**

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền và quy định của pháp luật, tăng cường công tác giám sát, thanh tra đối với hoạt động của NHCSXH trên địa bàn.

#### **7. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn**

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ban hành kèm theo Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về mục đích sử dụng vốn vay, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay (nếu có) đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh và các đối tượng khác vay vốn để đầu tư phát triển du lịch, sản xuất các sản phẩm OCOP, trồng và sản xuất các sản phẩm từ cây dược liệu trên địa bàn tỉnh với mức cho vay đến 300 triệu đồng không phải thế chấp tài sản.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình phối hợp giữa Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Kạn và Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2023 - 2028.

- Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương triển khai cho vay kịp thời, đúng đối tượng; kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo phát huy tốt hiệu quả nguồn vốn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lồng ghép có hiệu quả giữa hoạt động cho vay vốn với các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, liên kết tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ các mô hình, chương trình dự án về phát triển nông nghiệp nông thôn, dự án sản xuất theo chuỗi liên kết... nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tạo sinh kế bền vững cho người dân.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc ưu tiên cho vay đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh và các đối tượng khác vay vốn để đầu tư phát triển du lịch, sản xuất các sản phẩm OCOP, trồng và sản xuất các sản phẩm từ cây dược liệu trên địa bàn tỉnh bằng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương.

- Chủ động báo cáo NHCSXH Việt Nam cân đối, bố trí nguồn vốn kịp thời, đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu Đề án.

- Kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý rủi ro cho người vay theo quy định.

- Hằng năm, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án.

## **8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Hằng năm căn cứ vào khả năng ngân sách của địa phương, ưu tiên cân đối, bố trí nguồn ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác cho NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác đảm bảo mục tiêu Đề án.

- Tổng hợp, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách làm cơ sở NHCSXH triển khai giải ngân cho vay các chính sách tín dụng ưu đãi đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng thụ hưởng và có hiệu quả.

- Phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các dự án do huyện quản lý để làm cơ sở NHCSXH giải ngân cho vay.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình NHCSXH thực hiện Đề án tại địa phương.

- Chỉ đạo các ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn phối hợp chặt chẽ với NHCSXH trong quản lý, nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội tại địa phương; kịp thời điều tra, rà soát, xác nhận đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội làm cơ sở để NHCSXH cho vay; lồng ghép có hiệu quả việc triển khai thực hiện Đề án với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

### **9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

- Hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh phối hợp chặt chẽ với NHCSXH đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về tín dụng chính sách xã hội để người dân và các đối tượng thụ hưởng hiểu rõ chủ trương, chính sách, mạnh dạn vay vốn, đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống, thực hiện tốt trách nhiệm trong việc sử dụng vốn đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng hạn.

- Phát huy chức năng giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc thực hiện các hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Các tổ chức chính trị - xã hội các cấp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện có hiệu quả hoạt động ủy thác, đảm bảo quản lý tốt hoạt động tín dụng chính sách xã hội, chú trọng làm tốt công tác nhận diện, bình xét, xác nhận đối tượng vay vốn đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng; hướng dẫn đôn đốc người vay sử dụng vốn đúng mục đích; thường xuyên kiểm tra, nắm chắc tình hình sử dụng vốn của người vay. Xây dựng, lồng ghép mô hình, chương trình, dự án hỗ trợ đoàn viên, hội viên phát triển kinh tế với việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội; nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn./.